

Áp dụng thực tế	Real-world application	Áp dụng những gì đã học vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong cuộc sống.
Bảng chú giải văn bằng	Diploma supplement	Một văn bản kèm theo một bằng cấp giáo dục bậc cao nhằm mục đích giải thích về bằng cấp đó theo cách có thể hiểu được ở những nơi khác trên thế giới.
Bằng tốt nghiệp liên kết	Joint degree	Bằng tốt nghiệp được cấp bởi các viện đào tạo liên kết .
Báo cáo Delores	Báo cáo Delores	Vào đầu năm 1993, Ủy ban quốc tế về giáo dục cho thế kỷ 21 được thành lập với nhiệm vụ nghiên cứu xác định những thách thức đặt ra cho giáo dục và đề xuất các khuyến nghị chính sách cấp cao. Kết quả của công trình nghiên cứu này là bản báo cáo " Học tập: Những giá trị tiềm ẩn" được đưa ra vào tháng 4 năm 1996. Trong báo cáo này, ủy ban nói trên, do ông Jacques Delors, nguyên chủ tịch Ủy ban châu Âu, đứng đầu, đã đề xuất việc phát huy mọi giá trị tiềm ẩn trong từng con người ở mọi nền văn hóa dựa trên 4 trụ cột, được xem là 4 nền tảng của giáo dục: học để tồn tại, học để biết, học để làm và học để chung sống. Báo cáo này còn được biết đến dưới tên gọi là Báo cáo Delors.
Bốn ưu tiên trong giáo dục của ASEAN	ASEAN four educational priorities	(1) Thúc đẩy nhận thức về ASEAN cho các công dân nội khối, nhất là thanh thiếu niên; (2) Tăng cường bản sắc ASEAN thông qua giáo dục; (3) Xây dựng nguồn nhân lực ASEAN trong lĩnh vực giáo dục ở

		<p>các quốc gia thành viên ASEAN (4) Tăng cường mạng lưới các trường đại học trong khu vực ASEAN.</p> <p>http://www.asean.org/communities/asean-socio-cultural-community/category/asean-education-ministers-meeting-ased</p>
Các biện pháp hỗ trợ	Accompanying Measures	Các biện pháp tuy không được liệt kê trong chương trình, dự án... nhưng có đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu của chương trình HTSD
Các kỹ năng của thế kỷ 21	21st-Century Skills	Những kỹ năng chung cần thiết cho nhiều lĩnh vực, giúp thành công trong thế kỷ 21, như tư duy độc lập, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, khả năng suy nghĩ sáng tạo, và kỹ năng làm việc theo nhóm.
Các ngôn ngữ chính thức của châu Âu	European Official Languages	Tiếng Tiệp (CZ), Đan Mạch (DA), Hà Lan (NL), Anh (EN), Es-tô-nia (ET), Phần Lan (FI), Pháp (FR), Đức (DE), Hy Lạp (EL), Hung-ga-ri (HU), I-ta-lia (IT), Lát-via (LV), Lit-va (LT), Man ta (MT), Ba Lan (PL), Bồ Đào Nha (PT), Slô-va-kia (SK), Slô-ven (SI), Tây Ban Nha (SP), Thụy Điển (SV), và từ 2007 có thêm tiếng Ai-len (IR)
Chuẩn đầu ra	Learning outcome	Việc mô tả kết quả mong đợi của người học sau quá trình đào tạo.
Chương trình chuyên tiếp	Bridge Program	Chương trình học giúp những người lớn có vốn kiến thức học thuật hoặc kỹ năng sử dụng tiếng Anh hạn chế có thể tham gia vào giáo dục sau phổ thông theo hệ tín chỉ và các chương trình đào tạo định hướng việc làm ở những nghề cần tay nghề trung và cao.

		Mục đích của chương trình là xoá khoảng cách giữa những kỹ năng mà họ đang có với những gì họ cần để có thể tham gia vào giáo dục sau phổ thông theo hệ tín chỉ và các chương trình đào tạo định hướng việc làm.
Chương trình đào tạo	Curriculum	Một hệ thống bao gồm các nội dung giáo dục được kết nối chặt chẽ, cùng với phương pháp giáo dục và đánh giá được thực hiện trong một chương trình học và dẫn đến một bằng cấp khi người học hoàn tất khoá học đạt yêu cầu.
Chương trình liên kết	Joint programme	Chương trình học được tổ chức bởi các viện đào tạo liên kết.
Chương trình nghị sự phát triển sau năm 2015	Post-2015 Development Agenda	Tiếp theo các Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỷ, Liên Hợp Quốc (LHQ) đang làm việc với các chính phủ, xã hội dân sự và các đối tác thông qua một quá trình mở, tham khảo ý kiến rộng rãi về chương trình nghị sự sau năm 2015. Bên cạnh việc tham vấn các tổ chức xã hội dân sự, các đại học và viện nghiên cứu, Tổng thư ký Ban Ki-moon đã thành lập một đội đặc nhiệm của Liên Hiệp Quốc để điều phối các hoạt động chuẩn bị cho chương trình nghị sự sau năm 2015. Một ủy ban cấp cao gồm 27 thành viên có nhiệm vụ tư vấn về khuôn khổ phát triển toàn cầu sau năm 2015 do Tổng thống Yudoyono của Indonesia, Tổng thống Johnson -Sirleaf của Liberia và Thủ tướng Cameron của Vương quốc Anh giữ vai trò

		đồng chủ tịch. Ủy ban này sẽ xác định những thách thức phát triển mới đồng thời đúc kết kinh nghiệm từ việc thực hiện MDG.
Chuyến đi học tập cọ xát	Study Visit	Chuyến đi ngắn hạn nhằm nghiên cứu một khía cạnh của học tập suốt đời ở một nước thành viên khác.
Cơ hội tiếp cận giáo dục và đào tạo	Access to education and training	Điều kiện và các yêu cầu cụ thể (về bằng cấp, trình độ học vấn, kỹ năng hoặc kinh nghiệm làm việc...) để được chấp nhận tham gia/ thụ hưởng các chương trình giáo dục.
Cơ hội/quyền học tập cho mọi đối tượng/ Học tập hòa nhập	Inclusive learning	Việc cung cấp cơ hội, điều kiện và đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng của mọi đối tượng trong xã hội
Cơ quan kiểm định	Accreditation agency	Tổ chức độc lập đưa ra những quyết định chính thức về việc công nhận một chương trình và/hoặc cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng được xác định.
Cơ quan kiểm định ngoài về chất lượng giáo dục	External quality assurance agency	Một cơ quan tham gia kiểm định chất lượng giáo dục đại học.
Đánh giá chất lượng	Quality assessment	Sự lượng giá của bản thân chất lượng. Việc đánh giá này bao gồm quá trình thu thập dữ liệu, thông tin về chất lượng của cả cơ sở đào tạo hoặc từng chương trình riêng lẻ.
Điều phối viên dự án	Project Coordinator	Cơ quan, tổ chức điều phối một dự án đa phương

Doanh nghiệp vừa và nhỏ	Small and Medium-Sized Enterprises	Quy mô doanh nghiệp được đánh giá dựa trên các tiêu chí như lực lượng lao động, doanh thu và mức độ tự chủ. Xét về lực lượng lao động, doanh nghiệp siêu nhỏ có ít hơn 10, doanh nghiệp nhỏ ít hơn 50 và doanh nghiệp vừa ít hơn 250 lao động.
Đối tác xã hội	Social Partners	Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và người lao động theo luật định tham gia vào quá trình tham vấn xã hội
Dự án	Project	Hoạt động hợp tác nhằm đến một kết quả cụ thể được thực hiện bởi một tập hợp chính thức hoặc không chính thức các cơ quan, tổ chức...
Giáo dục (cho) người lớn	Adult Education	Giáo dục tổng quát hay hướng nghiệp cho người trưởng thành với các mục đích như sau: - trang bị kiến thức tổng quát phục vụ nhu cầu cá nhân (chẳng hạn như các khóa học trong trường đại học mở); - trang bị kiến thức bổ sung cho kiến thức đã học trước đây trong nhà trường để (a) tạo cơ hội lấy các văn bằng chứng chỉ mà người học còn thiếu, vì nhiều lý do khác nhau (b) tiếp thu, cải thiện hoặc cập nhật kiến thức, kĩ năng, năng lực trong một lĩnh vực cụ thể. Khái niệm Giáo dục người lớn gần với, nhưng không hoàn toàn tương đồng, giáo dục thường xuyên.
Giáo dục (cho) người lớn	Adult Education	Thuật ngữ Giáo dục (cho) người lớn thường được sử dụng hoán đổi với thuật ngữ " giáo dục thường xuyên". Theo tiêu chuẩn

	<p>Ghi chú: Theo UNESCO (confinteavi_grale_asia_synthesis_en.pdf, page 6)</p>	<p>quốc tế về phân loại giáo dục (ISCED) do UNESCO đề xuất, giáo dục cho người lớn bao hàm các cách tiếp cận chính quy lẫn không chính quy, có thể khác nhau về nội dung, cấp độ, phương pháp dạy/ học và có thể được xem là sự thay thế hoặc tiếp nối giáo dục cơ bản. Theo các tài liệu CONFINTEA V, giáo dục người lớn chỉ toàn bộ các quá trình học tập đang diễn ra, chính quy hoặc không chính quy, trong đó cá nhân được xem là người lớn trong xã hội mà họ sống phát triển năng lực, làm giàu kiến thức, cải thiện bằng cấp kỹ thuật hay nghề nghiệp của mình hoặc chuẩn bị cho họ một hướng đi mới để đáp ứng nhu cầu của cá nhân hoặc xã hội.</p>
<p>Giáo dục cho mọi người</p>	<p>EFA</p>	<p>Giáo dục cho mọi người(EFA) là một sáng kiến quốc tế được đề xuất tại Jomtien, Thái Lan, vào năm 1990 nhằm đem lợi ích của giáo dục đến "tất cả công dân của tất cả các quốc gia ." Để hiện thực hóa điều này, các chính phủ, tổ chức và cơ quan như UNESCO và Ngân hàng Thế giới đã cam kết thực hiện sáu mục tiêu cụ thể sau đây trong lĩnh vực giáo dục: Mở rộng và cải thiện việc chăm sóc và giáo dục nhi đồng, đặc biệt là đối với nhóm trẻ yếu thế và bị thiệt thòi. Bảo đảm rằng đến năm 2015 tất cả trẻ em, đặc biệt là các em gái, những em có hoàn cảnh khó khăn và các em</p>

thuộc dân tộc ít người, được tiếp cận với giáo dục cơ bản có chất lượng mang tính hoàn chỉnh, bắt buộc và miễn phí. Bảo đảm đáp ứng các nhu cầu học tập của thanh niên và người trưởng thành thông qua cơ hội tiếp cận bình đẳng các chương trình học tập và rèn luyện kỹ năng sống một cách thích hợp. Đến 2015, đạt được mức tiến bộ 50 % về xóa mù chữ cho người trưởng thành, đặc biệt là đối với phụ nữ, và tiếp cận công bằng về giáo dục cơ bản và thường xuyên đối với tất cả người trưởng thành. Đến 2005 xóa bỏ sự chênh lệch về giới trong giáo dục tiểu học và trung học và đạt được sự bình đẳng giới trong giáo dục vào năm 2015, tập trung vào mục tiêu bảo đảm quyền tiếp cận đầy đủ, bình đẳng và đạt được kết quả tốt đối với giáo dục cơ bản có chất lượng. Cải thiện chất lượng mọi mặt của giáo dục và bảo đảm chất lượng sao cho mọi người học đều đạt được kết quả đáng tin cậy và được công nhận, đặc biệt là đối với khả năng đọc, viết, tính toán và các kỹ năng sống thiết yếu. Sau một thập kỷ tiến triển khá chậm chạp, cộng đồng quốc tế đã tái khẳng định các cam kết về EFA vào tháng 4 và tháng 9/2010 tại Hội nghị Dakar, Senegal. Tại Hội nghị vào tháng 9/2010, 189 quốc gia và các đối tác đã xác nhận hai mục tiêu EFA goals cũng đồng thời là mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs).

		Tuy các mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ MDGs 2 và 3 chỉ đề cập đến giáo dục tiểu học toàn cầu và bất bình đẳng giới, Ngân hàng Thế giới xác định rằng muốn đạt được các mục tiêu này đòi hỏi phải thực hiện đầy đủ các cam kết EFA.
Giáo dục cơ bản	Basic education	Các hoạt động giáo dục theo bất kỳ phương thức nào (chính quy, không chính quy hoặc phi chính quy) nhằm đến việc đáp ứng các nhu cầu học tập cơ bản nhất. Theo tiêu chuẩn quốc tế về phân loại giáo dục (ISCED) do UNESCO đề xuất, giáo dục cơ bản bao gồm giáo dục tiểu học (được gọi là giáo dục cơ bản giai đoạn 1) và trung học cơ sở (giáo dục cơ bản giai đoạn 2). Đối với các quốc gia đang phát triển, giáo dục cơ bản thường bao gồm cả bậc học mầm non và/ hoặc các chương trình xóa mù chữ cho người lớn.
Giáo dục công dân	Civic education	Môn/ ngành học về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng
Giáo dục cộng đồng	Community-based education, community education	Việc học tập diễn ra bên ngoài khuôn viên nhà trường. Thông thường có nghĩa tương đương với work-based education (học tập thông qua công việc).
Giáo dục đặc biệt	Special Education Needs	Loại hình giáo dục dành cho những người học có nhu cầu đặc biệt về học thuật, hành vi, sức khỏe mà giáo dục truyền thống không đáp ứng được
Giáo dục hướng đến phát triển	Education for sustainable development	Giáo dục hướng đến phát triển bền vững bao gồm việc đưa các nội dung phát triển bền vững vào

bền vững		<p>việc dạy và học; ví dụ: biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiên tai, đa dạng sinh học, giảm nghèo và tiêu thụ (tài nguyên) chừng mực. Nó cũng hướng đến việc thay đổi hành vi của người học và hành động vì mục đích phát triển bền vững. Theo hướng này, giáo dục cho mục đích phát triển bền vững phát triển các năng lực như tư duy độc lập, hình dung các kịch bản tương lai và đưa ra quyết định dựa trên sự hợp tác.</p> <p>Tham khảo thêm http://www.unesco.org/new/en/education/themes/leading-the-international-agenda/education-for-sustainable-development/</p>
Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề	Technical and vocational education	<p>Thuật ngữ tổng quát chỉ các hoạt động giáo dục nhằm giúp người học lĩnh hội các kỹ năng thực tiễn, thái độ và kiến thức liên quan đến những ngành nghề cụ thể trong xã hội bên cạnh giáo dục tổng quát. Các thuật ngữ TVET, VET, và Career and Technical education (CTE) gần như có nghĩa như nhau mặc dù có những tên gọi khác nhau ở từng quốc gia</p>
Giáo dục nghề nghiệp	Vocational education	<p>Còn gọi là giáo dục và đào tạo nghề (VET) nhằm chuẩn bị cho người học kỹ năng, kiến thức, thái độ liên quan đến một nghề nghiệp cụ thể.</p>
Giáo dục ngoài trời	Outdoor education	<p>Thuật ngữ thường dùng chỉ các hoạt động học tập có tổ chức diễn ra ngoài trời. Chương trình học thường bao gồm các trải nghiệm lưu trú hoặc hành trình</p>

		mà người học tham gia như dã ngoại, leo núi, cắm trại, ...
Giáo dục người lớn chính quy, không chính quy và phi chính quy	Formal, Non-Formal and Informal Adult Education	Việc học tập chính quy thường diễn ra ở nhà trường, hướng đến những văn bằng, chứng chỉ và theo một tiến độ được quy định sẵn, trong khi học tập không chính quy có tính linh động hơn về tiến độ và thường không có kỳ thi bắt buộc. Học tập phi chính quy bao gồm tất cả các hoạt động học tập theo nghĩa rộng được diễn ra trong mọi lĩnh vực của cuộc sống như nghe kể chuyện, tham quan, đọc sách...
Giáo dục so sánh	Comparative education	Ngành học nghiên cứu nền giáo dục của một nước (hoặc một nhóm nước) thông qua việc sử dụng dữ liệu có được từ thực tế giáo dục của một nước (hay một nhóm nước) khác.
Giáo dục thường xuyên	Continuing education	1. Một chương trình học không thuộc chương trình giáo dục bắt buộc. 2. Một chương trình học ngắn hạn sau khi đã hoàn tất giáo dục bắt buộc, và không được cấp bằng liên thông đại học.
Giáo dục trường lớp	School Education	Trong ngữ cảnh học tập suốt đời, thuật ngữ "giáo dục trường lớp" chỉ giáo dục chính quy từ cấp mẫu giáo tới trung học phổ thông.
Giáo dục xã hội	Social education	Thuật ngữ dùng ở một số nước gần giống với giáo dục không chính quy.
Gói tài liệu tự học	Self-study package	Toàn bộ tài liệu, dưới hình thức ấn phẩm và điện tử, phục vụ cho một khoá học.

<p>Hệ thống chuyển đổi tín chỉ châu Âu (ECTS)</p>	<p>European Credit Transfer System (ECTS)</p>	<p>Hệ thống xác định mục tiêu của chương trình học và chuẩn đầu ra. ECTS được giới thiệu vào năm 1989 và hiện nay là hệ thống chuyển đổi tín chỉ duy nhất có giá trị trong toàn khối châu Âu. Hệ thống này cho phép công nhận các tín chỉ sinh viên tích lũy được trong quá trình học tại một quốc gia khác (thuộc châu Âu) và thúc đẩy tính cơ động trong đào tạo nội khối. ECTS là một trong những mục tiêu chủ yếu của Tuyên bố Bologna vào tháng 6/1999.</p>
<p>Hệ thống giáo dục Cử nhân-Thạc sĩ</p>	<p>Bachelor-master system</p>	<p>Hệ thống đề xuất theo Tuyên bố Bologna, bao gồm 2 chu trình học tập, và chu trình thứ nhì được thực hiện chỉ sau khi hoàn tất chu trình thứ nhất. Hệ thống này được thay thế bởi hệ thống 3 chu trình vào năm 2005, gồm: Cử nhân, Thạc sĩ, và Tiến sĩ.</p>
<p>Hệ thống giáo dục hai định hướng</p>	<p>Binary system</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống giáo dục bao gồm hai loại viện đào tạo/trường: trường đại học truyền thống (học thuật / nghiên cứu) và các viện theo định hướng nghề nghiệp. 2. Hệ thống giáo dục bậc cao theo định hướng học thuật hoặc nghề nghiệp; các chương trình này không nhất thiết phải liên quan đến một loại viện đào tạo cụ thể nào.
<p>Hiến chương ASEAN 2007</p>	<p>ASEAN Charter 2007</p>	<p>Hiến chương ASEAN, được thông qua tại Kỳ họp Thượng đỉnh lần thứ 13 vào tháng 11 năm 2007, nhấn mạnh nỗ lực chung của các nước thành viên trong việc phát triển nguồn nhân lực thông qua</p>

		sự hợp tác chặt chẽ hơn trong giáo dục và học tập suốt đời và trong khoa học và kỹ thuật, tạo sức mạnh cho các dân tộc ASEAN và cộng đồng ASEAN.
Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	ASEAN	ASEAN (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á) là một liên minh chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các quốc gia Đông Nam Á, được thành lập năm 1967. Hiện nay ASEAN có 10 quốc gia thành viên, gồm In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan, Bru-nây, Việt Nam, Lào, My-an-ma và Cam-pu-chia. ASEAN nhấn mạnh việc hợp tác dựa trên ba trụ cột về an ninh, văn hóa xã hội và hội nhập kinh tế, tiến đến một Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào năm 2015.
Hiệp hội Giáo dục cơ bản và Giáo dục người lớn châu Á-Nam Thái Bình Dương	ASPBAE	Một hiệp hội khu vực với hơn 200 tổ chức và cá nhân thành viên, được thành lập vào năm 1964 tại Sydney, Úc. ASPBAE hoạt động thúc đẩy giáo dục chất lượng cho mọi người và học tập suốt đời cho người lớn. Các nỗ lực của ASPBAE nhằm tăng cường sự hỗ trợ cho các tổ chức của cộng đồng, các liên minh giáo dục quốc gia, hiệp hội giáo viên, các mạng lưới phong trào và các tổ chức xã hội dân sự trong việc gắn kết chính phủ và các nhà tài trợ quốc tế vào các mục tiêu giáo dục trong khu vực châu Á- Thái Bình Dương.
Học tập chính quy	Formal learning	Việc học tập trong một tổ chức giáo dục hoặc đào tạo chính quy. Học tập chính quy có mục đích,

		chương trình và thời gian cụ thể, và người học được cấp bằng hoặc chứng chỉ khi hoàn thành chương trình học. Người học tham gia học tập chính quy một cách có chủ đích.
Học tập kết hợp	Blended learning	Hình thức học tập kết hợp nhiều phương pháp khác nhau, thông thường đó là học tập trực tiếp trên lớp và học từ xa.
Học tập không chính quy	Non-formal learning	Việc học tập không do một tổ chức giáo dục hoặc đào tạo chính quy cung cấp và thường không có chứng nhận. Tuy nhiên, nó cũng có tính cấu trúc nhất định và là hoạt động có chủ đích xét về góc độ của người học.
Học tập ở mọi nơi	Lifewide learning	Việc học tập chính quy, không chính quy hoặc phi chính quy diễn ra ở mọi khía cạnh của cuộc sống (cá nhân, xã hội hoặc nghề nghiệp) ở bất kì giai đoạn nào.
Học tập phi chính quy	Informal learning	Việc học tập trong những tình huống thường nhật liên quan đến công việc, gia đình, xã hội, v.v.. Học tập phi chính quy không theo cấu trúc truyền thống và thường không có chứng chỉ hay bằng cấp. Học tập phi chính quy có thể mang tính chủ đích, nhưng thường là không chủ đích hoặc ngẫu nhiên. Việc học tập phi chính quy và không chính quy còn được biết đến dưới tên trải nghiệm học tập từ trước hoặc học tập thông qua thực nghiệm.
Học tập suốt đời	Lifelong Learning	Tất cả các hoạt động học tập có chủ đích xuyên suốt cuộc sống của một cá nhân từ khi chào đời đến lúc lìa đời (from the cradle to

		the grave/ from womb to tomb), bao gồm kết quả của giáo dục chính quy, không chính quy và phi chính quy.
Học tập theo nhóm cộng đồng	Community of practice (often abbreviated as CoP)	Một hình thức học tập trong xã hội, do những người có cùng mối quan tâm hợp tác nhau để chia sẻ ý kiến, tìm kiếm giải pháp và đưa ra sáng kiến.
Học tập thông qua thực nghiệm	Experiential education	Tiến trình chủ động đưa sinh viên vào trải nghiệm thực tế nhằm mang lại ích lợi và hiệu quả cho việc học. Sinh viên sẽ tự thử nghiệm và khám phá thay vì nghe và đọc về các trải nghiệm của người khác. Sinh viên cũng tự suy ngẫm về các trải nghiệm của mình nhờ đó phát triển các kỹ năng mới, thái độ mới và các lý thuyết mới hoặc lối suy nghĩ mới.
Học tập từ xa	Distance learning	Hình thức học tập thực hiện bên ngoài khuôn viên trường, thông qua mạng internet, hội nghị truyền hình, chương trình TV, các lớp học sử dụng vệ tinh truyền thông...
Học tập từ xa và học tập mở	Open and Distance Learning	Một loại hình giáo dục, thường ở cấp đại học, được triển khai qua mạng máy tính. Ngay tại nhà hoặc văn phòng, người học có thể giao tiếp, trao đổi với nhau và với trường học qua những phương tiện liên lạc như thư điện tử, hội nghị qua truyền hình, diễn đàn, v.v..
Học viên (là) người lớn	Adult Learner	Học viên tham gia chương trình giáo dục cho người lớn.
Hội nghị quốc tế về	CONFINTEA	CONFINTEA (Hiện tại là CONFINTEA VI) là một hội nghị

Giáo dục người lớn		liên chính phủ do UNESCO tổ chức chuyên đề Giáo dục người lớn. CONFINTEA là một diễn đàn đối thoại và khuyến nghị chính sách về giáo dục người lớn, được tổ chức sau khoảng 12 năm. Để có thêm thông tin về CONFINTEA VI, xin truy cập http://www.aontas.com/international/unesco.html
Kèm cặp, hướng dẫn	Tutoring	Hoạt động hướng dẫn người học bởi một chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm. Người dạy có nhiệm vụ trợ giúp người học trong suốt quá trình học.
Khẩu hiệu của ASEAN	ASEAN Motto	Với khẩu hiệu “Một Tâm nhìn, Một Bản sắc, Một Cộng đồng”, ASEAN chú trọng tới hợp tác khu vực theo 3 trụ cột – hợp tác an ninh, hội nhập văn hóa, xã hội và hội nhập kinh tế
Khối liên minh Châu Âu	European Union	Liên minh kinh tế và chính trị của 28 nước đa phần nằm ở Châu Âu. Khối liên minh này được biết đến nhiều nhất như là một thị trường chung nơi con người, hàng hoá, dịch vụ và vốn có thể dịch chuyển tự do.
Khu vực Giáo dục Bậc cao Châu Âu	European Higher Education Area	Tên của tuyên bố đưa ra trong tiến trình Bologna. Theo tuyên bố này, mục tiêu được xác định là, trước năm 2010, sẽ thành lập khu vực giáo dục bậc cao Châu Âu, nhằm tạo điều kiện cho việc chuyển dịch tự do sinh viên và học giả, nâng cao tính công khai và sự công nhận văn bằng chứng chỉ bậc đại học và sau đại học giữa các nước, đồng thời thu hút sinh viên ở các vùng miền khác

		theo học tại các cơ sở giáo dục bậc cao của châu Âu.
Khung Tham chiếu Trình độ của Châu Âu về Học tập Suốt đời	European Qualifications Framework for LLL (EQF)	Một khung tham chiếu chung cho Châu Âu giúp các nước có thể so sánh tương đương hệ thống bằng cấp ở những nước này. Khung tham chiếu gồm có 8 bậc, với bậc 1 là căn bản và bậc 8 là tiến sĩ. Khung trình độ này bao gồm tất cả các văn bằng được công nhận về giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, dạy nghề và đại học.
Kiến thức	Knowledge	Kết quả của việc hấp thụ thông tin trong quá trình học tập. Kiến thức có thể là kết quả từ việc dạy/học chính quy hoặc những trải nghiệm thực tế từ gia đình, công việc, xã hội, ...
Kỹ năng	Skills	Khả năng áp dụng kiến thức một cách có hiệu quả để hoàn thành công việc, giải quyết vấn đề và thực hiện một hoạt động thực tế
Lĩnh vực học	Field of study	Một nhóm ngành học có liên quan về nội dung trong chương trình đào tạo bậc cao.
Lò bán bằng cấp	Diploma mill	Thuật ngữ này được chấp nhận trên thế giới, và dùng để cập đến các tổ chức, hoặc cá nhân bán bằng cấp để lấy lợi nhuận mà không yêu cầu việc học tập nghiêm túc nào.
Lượng giá	Evaluation	Trong giáo dục bậc cao, đây là một thuật ngữ chung cho phần lớn các tiến trình đánh giá hoặc định giá trị của giáo dục
Mạng lưới	Network	Một tập hợp chính thức hoặc không chính thức các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực học tập suốt đời.

<p>Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỷ</p>	<p>The Millennium Development Goals (MDGs)</p>	<p>Là 8 mục tiêu phát triển được đề ra trong Tuyên ngôn Thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8 tháng 9 năm 2000 tại trụ sở Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc ở New York, Mỹ. Tám mục tiêu này là: 1. Xóa bỏ bần cùng và thiếu ăn 2. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học 3. Đẩy mạnh bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ 4. Giảm tỉ lệ tử vong của trẻ em 5. Cải thiện sức khỏe bà mẹ 6. Phòng chống HIV/AIDS, bệnh sốt rét và các dịch bệnh khác 7. Bảo đảm phát triển bền vững cho môi trường 8. Tăng cường mối quan hệ đối tác toàn cầu cho phát triển. Có 21 chỉ tiêu cụ thể được lượng hóa cho 8 mục tiêu này. Tham khảo thêm: http://en.wikipedia.org/wiki/Millennium_Development_Goals</p>
<p>Nâng cao nhận thức</p>	<p>Awareness Raising</p>	<p>Khái niệm này chủ yếu được sử dụng cho việc quảng bá các sáng kiến, chương trình, mục tiêu và hoạt động HTSD trước và trong khi các sáng kiến, chương trình... được tiến hành. Vì thế việc tổng kết, đánh giá thành quả của các sáng kiến, chương trình... không được xem là hoạt động nâng cao nhận thức.</p>
<p>Năng lực</p>	<p>Competence</p>	<p>Khả năng áp dụng kết quả học tập vào những tính huống liên quan đến giáo dục, việc làm, phát triển cá nhân và nghiệp vụ. Thuật ngữ không chỉ nói đến kiến thức</p>

		và kỹ năng mà bao gồm cả các yếu tố nhận thức, hành động, cá nhân và đạo đức.
Nghiên cứu so sánh xuyên quốc gia	Cross-national comparative research	Nghiên cứu khoa học với mục đích so sánh một đối tượng giữa hai hay nhiều quốc gia.
Nghiên cứu trường hợp	Case studies	Một trong những cách hiểu về thuật ngữ này là một phương pháp nghiên cứu dựa trên thực nghiệm, trong đó một đối tượng được nghiên cứu trong ngữ cảnh thực tế của nó.
Người thụ hưởng	Beneficiary	Đối tượng được hưởng lợi từ kết quả của một dự án
Nguồn nhân lực của thị trường lao động	People in the Labour Market	Tất cả đối tượng khả dụng trong thị trường lao động (bao gồm người có bằng cấp đại học, cao đẳng, người có công ăn việc làm, người thất nghiệp...)
Nguyên tắc bổ sung	Additionality	Nguyên tắc xác định sự đóng góp của cộng đồng bổ sung cho phần ngân sách của nhà nước chứ không thay thế nguồn ngân sách này.
Nguyên tắc hỗ trợ	Subsidiarity	Nguyên tắc hỗ trợ nhằm đảm bảo những quyết định đưa ra gần bó mật thiết với công dân...
Nhóm đối tượng bị thiệt thòi/yếu thế	marginalized and disadvantaged	Cụm từ này thường được dùng để chỉ các đối tượng không được hoặc khó tiếp cận các cơ hội, dịch vụ và tài nguyên về an sinh xã hội (như nhà ở, việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe...) Trong một chừng mực nhất định cụm từ này còn được dùng để chỉ các nhóm: người nhập cư, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi...

Nhóm, tổ hợp	Consortium	Nhóm đối tác cùng tham gia một dự án
Nhu cầu đào tạo	Training needs	Nhu cầu giáo dục/đào tạo của một nhóm người nhất định. Việc xác định những nhu cầu này là một bước quan trọng trong việc lên kế hoạch và thực hiện dự án
Phân tích nhu cầu	Needs Analysis	Sự phân tích những nhu cầu của người học để bảo đảm đáp ứng chúng một cách hiệu quả, qua đó đảm bảo kết quả tốt nhất cho người học. Việc này cần được tiến hành khi lên kế hoạch cũng như trong suốt khóa học.
Phương pháp chuẩn đối sánh	Benchmarking	Phương pháp thu thập dữ liệu và rút ra nhận xét dựa trên sự so sánh các thông số hoạt động của các đối tượng cùng loại.
Phương pháp học tập không đồng bộ	Asynchronous learning	Một phương pháp học tập từ xa, lấy người học làm trung tâm, sử dụng mạng vi tính, theo đó, người học có thể lên mạng và học hoặc tải tài liệu bất cứ lúc nào. Các nghiên cứu gần đây cho thấy rằng phương pháp này có thể cải thiện kết quả học tập của học viên qua việc cho phép họ tự làm chủ tiến độ và định hướng học tập của mình khi có chuẩn bị và có động cơ học tập phù hợp.
Quá trình học tập	Profile	Thuật ngữ này có thể chỉ một ngành học cụ thể để lấy bằng cấp hoặc một nhóm các lĩnh vực học tập có chung trọng tâm hoặc mục đích.
Quản lý kiến thức chuyên môn	Knowledge Management (or KM)	Thuật ngữ dùng chỉ các kỹ thuật thu thập, chuyển giao, bảo mật và quản lý thông tin một cách có hệ thống bên trong các tổ chức,

		<p>cơ quan và cách sử dụng tối ưu các kiến thức đó.</p>
<p>SEAMEO (Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á)</p>	<p>SEAMEO</p>	<p>SEAMEO (Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á) là một tổ chức quốc tế, được thành lập năm 1965 theo thỏa thuận của chính phủ các nước Đông Nam Á nhằm thúc đẩy sự hợp tác trong khu vực trên các lĩnh vực giáo dục, khoa học và văn hóa. Hiện SEAMEO có 11 quốc gia thành viên (10 nước ASEAN + Đông Ti-mo), 7 quốc gia liên kết (Úc, Ca-na-đa, Pháp, Đức, Hà Lan, Niu-Di-lân, Tây Ban Nha và Anh) , một quốc gia đối tác là Nhật Bản và 3 tổ chức liên kết (ICDE: Hội đồng quốc tế về Giáo dục mở và Giáo dục từ xa; Trường đại học Tsukuba, Nhật, và Hội đồng Anh). Có 20 trung tâm SEAMEO khu vực, trong đó có 2 trung tâm khu vực của SEAMEO tại Việt Nam (SEAMEO RETRAC và SEAMEO CELLL).</p>
<p>Song phương</p>	<p>Bilateral</p>	<p>Bao gồm đối tác từ hai quốc gia thành viên</p>
<p>Sự bình đẳng cơ hội</p>	<p>Equal Opportunities</p>	<p>Nguyên tắc này nhằm bảo đảm sự tiếp cận các cơ hội về kinh tế-xã hội một cách công bằng cho mọi đối tượng.</p>
<p>Sự chuyển đổi tín chỉ</p>	<p>Credit transfer</p>	<p>Sự chuyển đổi tín chỉ từ một chương trình học này sang chương trình học khác trong cùng một việc đào tạo hoặc giữa các viện đào tạo.</p>
<p>Sự công nhận kết quả học tập</p>	<p>Validation of learning outcomes</p>	<p>Sự công nhận của một cơ quan có thẩm quyền, theo đó, kiến thức, kỹ năng và năng lực mà một người có được từ giáo dục và</p>

		đào tạo chính quy, không chính quy hoặc phi chính quy đã đạt những tiêu chuẩn nhất định. Việc công nhận này thường dẫn đến việc cấp chứng nhận bởi các cơ quan có thẩm quyền.
Sự công nhận kiến thức sẵn có	Recognition of prior learning	(a) Công nhận chính thức: quá trình cấp những bằng cấp, chứng chỉ, danh hiệu, hoặc xác nhận tương đương (b) Công nhận về mặt xã hội: công nhận giá trị những kỹ năng và/hoặc năng lực bởi các chủ thể có liên quan
Sự đa dạng văn hoá	Cultural diversity	Sự khác biệt giữa các nền văn hoá trên thế giới. Xu hướng hiện nay là chấp nhận các sự khác biệt đó và học lẫn nhau.
Sự hợp tác	Partnership (bilateral and multilateral)	Mối quan hệ song phương hoặc đa phương giữa các nước thành viên nhằm thực hiện những hoạt động về học tập suốt đời
Sự kiểm định	Accreditation	Quyết định mang tính độc lập và chính thức công nhận một chương trình và/hoặc cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng được xác định.
Sự kiểm định việc học phi chính quy / không chính quy	Accreditation of informal/ non formal learning	Quá trình đánh giá và quy đổi tín chỉ đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực đạt được trong quá trình học tập phi chính quy hoặc không chính quy thông qua việc cấp chứng chỉ, đơn vị tín chỉ và các chứng nhận tương đương.
Tác động chính sách	Mainstreaming	Quá trình gây ảnh hưởng đến chính sách bằng các hoạt động cụ thể. Quá trình này bao gồm việc xác định các bài học và các nhân tố tích cực để nhân rộng. Cụ thể hơn nữa, quá trình này còn xác

		định lộ trình triển khai với các kết quả được mong đợi, các cách tiếp cận hiệu quả và các nhân tố chủ yếu.
Tài nguyên giáo dục mở	Open Educational Resources' (OER)	Tài nguyên học tập đã được số hóa để cung cấp miễn phí cho giáo viên, học viên và những người tự học. Tài nguyên giáo dục mở bao gồm tài liệu học tập và công cụ học tập (phần mềm hỗ trợ học tập)
Tham vấn xã hội	Social Dialogue	Quy trình tham vấn giữa các đối tác (nghiệp đoàn, hiệp hội...), bao gồm thảo luận, hành động chung và thương lượng
Thành phố học tập	Learning City	Một thành phố huy động mọi nguồn lực để cung cấp và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi đối tượng cư dân từ giáo dục cơ bản đến nâng cao; thúc đẩy việc học tập từ gia đình đến cộng đồng; học tập tại nơi làm việc và phục vụ cho công việc; khai thác thế mạnh của các công nghệ hiện đại phục vụ cho việc học tập; không ngừng nâng cao chất lượng của việc học tập và xây dựng một nền văn hóa học tập suốt đời. (Nguồn: Tuyên bố Bắc Kinh về Xây dựng Thành phố Học tập)
Thẻ thông hành Europass	Europass	Hồ sơ chứng nhận về bằng cấp và kỹ năng của công dân có giá trị trong toàn khối châu Âu. Hồ sơ này bao gồm năm loại tài liệu quy chuẩn toàn khối đối với tất cả văn bằng chứng chỉ.
Thời gian thực tập	Internship	Một thời gian ngắn làm việc có sự giám sát. Đối với giáo dục bậc cao, trải nghiệm công việc này

		phải liên quan đến ngành học của sinh viên và có thể được cấp tín chỉ trong hệ thống chuyển đổi tín chỉ Châu Âu.
Tiến trình Bologna	Bologna Process	Một sáng kiến liên chính phủ hướng đến việc thiết lập một Khu vực Giáo dục Bậc cao toàn châu Âu trước năm 2010 (EHEA: European Higher Education Area) dựa trên 3 quy trình đào tạo: Cử nhân- Thạc sỹ- Tiến sỹ.
Tiến trình Copenhagen	Copenhagen Process	Tiến trình Bruges-Copenhagen nhằm thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề (VET) ở châu Âu. Vào năm 2002, các bộ trưởng giáo dục của 31 quốc gia châu Âu và Ủy ban châu Âu đã ký tuyên bố Copenhagen hướng đến việc hình thành một khu vực châu Âu tri thức (knowledge-based Europe) và bảo đảm mở cửa thị trường lao động toàn châu Âu. Trước đó, vào năm 2001 tại Bruges, các vụ trưởng giáo dục đã gặp mặt để thỏa thuận các nền tảng chính trị cho việc hợp tác và công khai hóa trong lĩnh vực VET
Tín chỉ	Credit	Một phương thức diễn đạt lượng kiến thức học được dựa vào việc đạt các kết quả học tập và khối lượng công việc hoàn thành.
Tính bền vững	Sustainability	Khả năng tiếp tục sử dụng thành quả của dự án ngay cả khi dự án đã kết thúc
Tính chuyển đổi	Transferability	Khả năng sử dụng thành quả của dự án cho những bối cảnh mới. Những nhân tố ảnh hưởng tới khả năng chuyển giao kết quả dự án bao gồm các phiên bản ngôn

		ngữ; việc sử dụng những thuật ngữ mang tính tổng quát; cách trình bày rõ ràng; hoạt động truyền bá; việc áp dụng những tiêu chuẩn công nghiệp; quyền sử dụng...
Tính tự chủ	Autonomy	Sự tự do tiến hành các hoạt động mà không cần có sự cho phép của cơ quan quản lý
Trải nghiệm học tập từ trước	Prior learning	Việc học tập diễn ra trước khoá học hoặc chương trình học hiện tại (bao gồm cả học chính quy và không chính quy).
Trung tâm Giáo dục và Nghiên cứu của ASEM về Học tập suốt đời	ASEM LLL Hub	Trung tâm Giáo dục và Nghiên cứu của ASEM về Học tập suốt đời là một hệ thống điều phối sự hợp tác giữa các trường đại học giữa châu Á và châu Âu trong lĩnh vực học tập suốt đời. Trung tâm này xây dựng một nền tảng để tham gia đối thoại giữa các nhà nghiên cứu và các nhà làm chính sách giáo dục. Trung tâm hoạt động trong khuôn khổ tiến trình giáo dục ASEM, kết nối hơn 100 nhà nghiên cứu trong 5 hệ thống nghiên cứu, đại diện cấp cao của 36 trường đại học và cán bộ lãnh đạo của 22 bộ giáo dục và 5 tổ chức quốc tế hàng đầu. Trung tâm bao gồm năm mạng lưới nghiên cứu chuyên môn như sau: Mạng lưới nghiên cứu 1: Phát triển kỹ năng CNTT, e-learning và văn hóa e-learning trong học tập suốt đời; Mạng lưới nghiên cứu 2: Học tập tại nơi làm việc; Mạng lưới nghiên cứu 3: Chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên và các nhà giáo

		<p>dục trong lĩnh vực giáo dục người lớn ở các nước ASEM; Mạng lưới nghiên cứu 4: Các chiến lược quốc gia về học tập suốt đời ; Mạng lưới nghiên cứu 5: Các năng lực cốt lõi của các nước ASEM</p> <p>Trụ sở Ban Thư ký ASEM LLLHub đặt tại Đại học Aaehus, Đan Mạch.</p>
<p>Trung tâm học tập cộng đồng</p>	<p>Community learning centre</p>	<p>Là một cơ sở giáo dục địa phương cung cấp các cơ hội học tập đa dạng, thường là do nhân dân địa phương thành lập và quản lý với sự hỗ trợ của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức tư nhân. Các chương trình học tập cụ thể tại các cơ sở này tùy thuộc vào nhu cầu và điều kiện thực tế của từng địa phương và từng quốc gia. Mục đích của các trung tâm học tập cộng đồng là thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng thông qua việc học tập suốt đời trong cộng đồng và đối tượng hưởng lợi chủ yếu của các trung tâm này là những người có ít cơ hội tiếp cận với các dịch vụ giáo dục như trẻ em bỏ học, phụ nữ, người lớn tuổi ...Ước tính có khoảng 170.000 trung tâm học tập cộng đồng (hoặc các hình thức tương tự) ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương. (Nguồn UNESCO Bangkok, http://www.unescobkk.org/education/literacy-and-lifelong-learning/community-learning-centres-clcs/)</p>
<p>Trung tâm khu vực về</p>	<p>SEAMEO CELLL</p>	<p>SEAMEO CELLL trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam,</p>

<p>học tập suốt đời của SEAMEO tại Việt Nam</p>		<p>đồng thời là một trong 20 trung tâm khu vực thuộc tổ chức SEAMEO. SEAMEO CELLL được thành lập tháng 3/2013 với 3 chức năng chủ yếu: (1) Nghiên cứu về học tập suốt đời (2) đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu về học tập suốt đời và giáo viên tham gia giáo dục người lớn cho các nước trong khu vực và (3) thông tin, tư vấn về học tập suốt đời. Trụ sở của Trung tâm SEAMEO CELLL được đặt tại TP.Hồ Chí Minh.</p>
<p>Trung tâm Phát triển Đào tạo Nghề của Châu Âu</p>	<p>CEDEFOP (European Centre for the Development of Vocational Training)</p>	<p>Trung tâm hỗ trợ giáo dục thường xuyên và đào tạo nghề ở cấp độ cộng đồng thông qua các hoạt động khoa học và kỹ thuật, có trụ sở tại Thessaloniki (Hy Lạp)</p>
<p>Tư vấn nghề nghiệp</p>	<p>Career Guidance</p>	<p>Các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ cho cá nhân mọi lứa tuổi nhằm giúp họ chọn nghề hoặc hành nghề. Các hoạt động này có thể được tiến hành mọi lúc, mọi nơi và dưới nhiều hình thức như tư vấn cá nhân, theo nhóm, mặt đối mặt hoặc trực tuyến.</p>
<p>Tuyên bố Bologna</p>	<p>Bologna Declaration</p>	<p>Một văn kiện có tên "European Higher Education Area" được ký vào năm 1999 bởi 31 bộ trưởng (hoặc đại diện bộ) của 29 nước. Tuyên bố này bao gồm một kế hoạch hành động hướng đến việc ra bản Tuyên bố chung của Châu Âu nhằm nâng cao tính cạnh tranh và hấp dẫn của giáo dục trên phổ thông tại Châu Âu trên</p>

		trường thế giới và bảo đảm khả năng xin việc cho sinh viên.
UNESCO	UNESCO	Tổ chức Văn hóa- Khoa học và Giáo dục của Liên Hiệp Quốc, được thành lập năm 1945, nhằm thúc đẩy hòa bình thế giới trên cơ sở sự hợp tác của các quốc gia trong việc phát triển giáo dục, xây dựng sự hiểu biết lẫn nhau, nghiên cứu khoa học và bảo vệ quyền con người.
Viện Học tập suốt đời của UNESCO	UiL	UiL là một cơ quan phi lợi nhuận của UNESCO có chức năng đào tạo, nghiên cứu, thông tin và xuất bản các ấn phẩm về học tập suốt đời. UiL quảng bá chính sách và thực tiễn học tập suốt đời với trọng tâm là giáo dục người lớn, đặc biệt là giáo dục không chính quy và các cơ hội học tập dành cho nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội. Các hoạt động của UiL hướng đến nỗ lực đạt được các mục tiêu Giáo dục cho mọi người (EFA), các mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG), các mục tiêu của Hội nghị Giáo dục người lớn (CONFINTEA) bên cạnh các mục tiêu quan trọng khác. Trụ sở của UiL được đặt tại Hamburg, Cộng hòa Liên bang Đức.
Viện Hợp tác quốc tế thuộc Hiệp hội Giáo dục người lớn của Đức	dvv international	Viện Hợp tác quốc tế thuộc Hiệp hội Giáo dục người lớn của Đức (Deutscher Volkshochschul-Verband e.V., DVV) là một tổ chức bao gồm 16 hiệp hội các trung tâm giáo dục người lớn cộng đồng (VHS, Volkshochschulen) của nước Đức.

		Với hơn 200 đối tác ở 35 quốc gia trên thế giới, dvv international hoạt động trong lĩnh vực chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về giáo dục người lớn, hỗ trợ xây dựng các mô hình giáo dục người lớn ở các quốc gia đang phát triển, cung cấp các khóa đào tạo và tư vấn về giáo dục xuyên văn hóa và về các chính sách của châu Âu. Trụ sở chính của dvv international được đặt tại Bonn, Cộng hòa Liên bang Đức
Xã hội già cỗi	Ageing society	Xã hội trong đó người lớn tuổi chiếm tỉ lệ cao.
Xã hội học tập	Learning society	Xã hội trong đó việc học được coi trọng, tất cả mọi người đều được khuyến khích học tập suốt đời và có cơ hội tiếp cận giáo dục và đào tạo.
Xác nhận năng lực	Validation of Competences	Quá trình đánh giá và công nhận nội dung, kỹ năng, kiến thức, và năng lực đạt được trong quá trình đào tạo
Xây dựng năng lực thực thi nhiệm vụ	Capacity building	Việc phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ của cá nhân và tập thể để đảm bảo thực thi nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức.
Xê-mi-na tiếp xúc	Contact Seminar	Xê-mi-na được tổ chức bởi các cơ quan chính phủ hàng năm nhằm mục đích mở rộng và kết nối các đối tác, giới thiệu các cơ hội hợp tác.